

Số: 35/2021/QĐST-HNGĐ

*Bắc Mê, ngày 29 tháng 11 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 34/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N; sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Anh Lù Văn C; sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26, điểm b, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Hoàng Thị N và anh Lù Văn C.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Lù Văn C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Hoàng Thị N và anh Lù Văn C thỏa thuận.

Giao cho chị Hoàng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lù Thị Hoàng H, sinh ngày 27/4/2011 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Lù Văn C có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đồng (*Năm trăm nghìn đồng*), kể từ tháng 01/2022 cho đến

khi cháu Lù Thị Hoàng H đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị N là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nuôi con hằng tháng.

Sau khi ly hôn anh Lù Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

*Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

- Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị N tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000đ, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng chị Hoàng Thị N đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 0006506 ngày 21/10/2021.

Anh Lù Văn C không phải chịu tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện B;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**  
(Đã ký)

**Dương Văn Công**